

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 3 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc H.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lâm Châu Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T4, xã T5, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của nguyên đơn là anh Phạm Ngọc H thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh và chị Lâm Châu Đ tự nguyện chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/7/2014. Khi về chung sống, xảy ra mâu thuẫn do chị Đ không tôn trọng cha, mẹ của anh, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không sửa đổi, chị

Đ bỏ đi và ly thân từ ngày 12/7/2016 âm lịch cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị Đ.

Về con: Gồm Phạm Quang T6 và Phạm Thùy D (anh và chị Đ chưa làm giấy khai sinh cho Thùy D). Hiện nay, anh đang nuôi Quang T6 còn Thùy D do chị Đ nuôi. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Khi chị Đ bỏ đi có mang theo số vàng 24k và 18k nhưng không biết chính xác là bao nhiêu, số vàng này anh không yêu cầu phân chia mà sẽ tự thỏa thuận với chị Đ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bị đơn là chị Lâm Châu Đ thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và thời gian ly thân. Nguyên nhân chị bỏ đi là do mẹ chồng đã đuổi chị đi trong lúc chị đang mang thai Thùy D; sau đó chị có về nhận lỗi để quay lại chung sống nhưng anh H và gia đình không đồng ý. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con: Có 02 người con chung như anh H trình bày. Khi ly hôn, chị đồng ý giao Quang T6 cho anh H nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Thùy D nhưng cầu anh H cấp dưỡng theo mức 650.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 06/3/2018 đến khi tròn 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị Đ rút lại yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi Thùy D.

Về tài sản: Chị và anh H có số tài sản chung là nữ trang trong ngày cưới gồm 12 chỉ vàng 24k, khi về chung sống thì ông Phạm Văn Q (cha chồng) mượn 01 chỉ và ông Lâm Sơn H1 (cha của chị) mượn 06 chỉ, còn lại 05 chỉ chị đã bán chi xài trong lúc mang thai, sinh và nuôi Thùy D. Do anh H không có ý kiến gì về số vàng này nên chị cũng không có ý kiến gì khác, giữa chị và anh H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Anh Phạm Ngọc H và chị Lâm Châu Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/7/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân anh, chị xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân: Theo anh H xác định là do chị Đ không tôn trọng cha, mẹ của anh, mặc dù đã được gia đình khuyên

giải nhiều lần nhưng không sửa đổi dẫn đến chị Đ đã bỏ đi ngày 12/7/2016 âm lịch; theo chị Đ việc chị bỏ đi là do mẹ chồng đã đuổi trong lúc chị đang mang thai Thùy D, mặc dù chị có về nhận lỗi để hàn gắn, quay lại chung sống nhưng anh Hiếu và gia đình không đồng ý. Từ nguyên nhân trên, anh H, chị Đ xác định không thể hàn gắn để quay lại chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau thấy rằng, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Đ đã bỏ đi và ly thân với anh H mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, hàn gắn nhưng không thành và không quay lại để chung sống; điều đó cho thấy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung:

Gồm Phạm Quang T6 và Phạm Thùy D (chưa có giấy khai sinh). Khi ly hôn, anh H xác định mặc dù hiện nay anh không có tài sản nhưng anh đang nuôi ao tôm công nghiệp cùng với cha, mẹ nên có đủ điều kiện để nuôi cả hai cháu. Chị Đ đồng ý giao Quang T6 cho anh H nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi Thùy D.

Theo quy định của pháp luật, thì *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”*; *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*, *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”* và *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

Với điều kiện hiện nay, các đương sự đều chưa có tài sản, thu nhập và có cuộc sống chung cùng với gia đình nên việc giao cả hai cháu cho anh H nuôi sẽ không đảm bảo; mặt khác, từ khi Thùy D được sinh ra cho đến nay thì anh H cũng không cùng chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng thể hiện trách nhiệm của người cha, trong khi hiện nay, cháu mới hơn 13 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để các đương sự cùng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con chưa thành niên trong việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của các cháu phù hợp điều kiện thực tế của mình nên chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giữ nguyên Quang T6 cho anh H nuôi và Thùy D cho chị Đ nuôi là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Như đã viện dẫn các quy định ở trên thì các đương sự đều phải có nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng Quang T6 và Thùy D; chị Đ, anh H mỗi người

được giao nuôi dưỡng một cháu như đã phân tích thì hiện nay Thùy D chưa được chị Đ, anh H đến cơ quan có thẩm quyền để làm giấy khai sinh, sẽ khó khăn trong việc xác định lý lịch tư pháp của người được hưởng cấp dưỡng. Tại phiên tòa, qua phân tích của Hội đồng xét xử, chị Đ đã rút lại yêu cầu cấp dưỡng, việc rút yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của chị Đ là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu mà chị Đ đã rút là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản:

Anh H xác định khi chị Đ đi có đem theo số vàng 24k và 18k, còn chị Đ xác định có 12 chỉ vàng 24k, khi về chung sống thì ông Phạm Văn Q mượn 01 chỉ và ông Lâm Sơn H1 mượn 06 chỉ, số còn lại 05 chỉ chị đã bán chỉ xài trong lúc mang thai, sinh và nuôi Thùy D không còn. Đối với số tài sản này, các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc chị Đ đặt ra có cho ông Q và ông H1 mượn số vàng như đã trình bày ở trên nhưng các đương sự không có yêu cầu những người này trả lại, đây là quyền định đoạt của các đương sự nên Tòa án không đưa ông Q và ông H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án. Đối với số vàng còn lại chị Đ cho rằng đã bán chỉ sài không còn trong khi anh H không có ý kiến gì khác nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về nợ người khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật thì anh H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận việc đồng ý ly hôn giữa anh Phạm Ngọc H và chị Lâm Châu Đ.

2. Về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng:

Giao Phạm Quang T6 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và giao Phạm Thùy D (chưa có giấy khai sinh) cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh H và chị Đ có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H về xin nuôi Thùy D.

Đình chỉ một phần yêu cầu chị Đ về yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi Thùy D mức 650.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 06/3/2018 đến khi tròn 18 tuổi.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền anh H đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009477 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn